

2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG

Tầng 4A - 15+16, Vincom Center Đồng
Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến
Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: +84 28 44 555 888
+84 28 38 271 020

Số Fax: +84 28 38 271 030

Website: www.maybank-kimeng.com.vn

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	1
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019	16
III.	ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	29
IV.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	38
V.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	39

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng, và tên viết tắt là: MBKE.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 5 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 01 năm 2015, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 39/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 9 năm 2015, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 4 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 1.056.110.000.000 VNĐ (một nghìn không trăm năm mươi sáu tỷ một trăm mười triệu Việt Nam Đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.001.931.728.398 VNĐ (Hai nghìn không trăm lẻ một tỷ chín trăm ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn ba trăm chín mươi tám Việt Nam Đồng).
- Trụ sở chính: tầng 4A - 15+16, Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Số điện thoại: +84 28 44 555 888 +84 28 38 271 020
Số Fax: +84 28 38 271 030
Website: www.maybank-kimeng.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1 Tập đoàn Maybank Kim Eng

Maybank Kim Eng là Tập đoàn bao gồm các công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và ngân hàng đầu tư trải rộng trên toàn cầu với các văn phòng tại Malaysia, Singapore, Hồng Kông, Thái Lan, Indonesia, Philippines, Ấn Độ, Việt Nam, Ả Rập Xê Út, Anh và Mỹ. Maybank Kim Eng đã hiện diện tại Châu Á trong suốt hơn bốn thập kỷ và là nhà cung cấp dịch vụ về Tài Chính Doanh Nghiệp, Thị Trường Nợ, Thị Trường Vốn, Công Cụ Phái Sinh, Môi Giới Chứng Khoán Cho Khách Hàng Cá Nhân và Khách Hàng Định Chế, Nghiên Cứu Phân Tích.

Maybank Kim Eng được sở hữu hoàn toàn bởi Maybank, một trong những tập đoàn ngân hàng hàng đầu Châu Á với mạng lưới tại 19 quốc gia, phục vụ hơn 22 triệu khách hàng trên toàn cầu, đứng thứ 4 khu vực Đông Nam Á xét về quy mô tổng tài sản. Maybank được xếp hạng trong danh sách 20 ngân hàng mạnh nhất thế giới theo đánh giá của Bloomberg Markets liên tiếp trong 2 năm 2013 và 2014. Tháng 1 năm 2019, lần đầu tiên Maybank được đứng trong danh sách 500 thương hiệu giá trị nhất thế giới - The Brand Finance Global 500 do Brand Finance - đơn vị tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới thực hiện với mức định giá vượt trên 4 tỷ Đô la Mỹ.

2.2 Maybank Kim Eng Việt Nam

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng (gọi tắt là “MBKE” hoặc “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) và chính thức đi vào hoạt động tháng 4 năm 2008.

Sau khi tập đoàn tài chính Malaysia, Maybank Group, mua lại toàn bộ cổ phần của Kim Eng Holdings Limited, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng theo Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 8 năm 2012 với 49% cổ phần được kiểm soát bởi Maybank Group thông qua Maybank Kim Eng Holdings Limited.

Ngày 3 tháng 01 năm 2014, MBKE đã chính thức được UBCKNN chấp thuận hình thức sở hữu mới: Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK, trở thành công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam.

Trong suốt hơn 10 năm qua, MBKE đã xây dựng được sự hiện diện mạnh mẽ tại thị trường Việt Nam với trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, 5 chi nhánh và gần 200 nhân viên chính thức. Từ mức vốn điều lệ 200 tỷ Việt Nam Đồng ban đầu, đến nay MBKE đã qua 4 lần tăng vốn với tổng vốn là 1.056,11 tỷ Việt Nam Đồng, tăng hơn 500% và hiện đang xúc tiến kế hoạch tiếp tục tăng vốn trong năm 2020. Việc tăng vốn là một trong những tiền đề mạnh mẽ giúp MBKE nâng cao vị thế cạnh tranh, triển khai thêm nhiều sản phẩm tài chính hấp dẫn, đặc biệt là đẩy mạnh hơn nữa các sản phẩm chứng khoán phái sinh và chứng quyền có đảm bảo.

2.3 Nỗ lực vì sự phát triển của Thị trường Chứng khoán (“TTCK”) Việt Nam

Cam kết đóng góp cho sự phát triển chuyên nghiệp và bền vững của TTCK Việt Nam, Tập đoàn Maybank Kim Eng (Maybank Kim Eng) đã ký với UBCKNN Thỏa thuận khung hợp tác hỗ trợ kỹ thuật trong 3 năm kể từ tháng 8 năm 2013, tái ký tiếp tục thêm 3 năm kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2016. Hiện hai bên đang xúc tiến các công tác chuẩn bị để sớm ký tiếp thỏa thuận hợp tác mới trong quý I năm 2020.

Theo tinh thần của thỏa thuận dự kiến, Maybank Kim Eng và UBCKNN sẽ phối hợp tổ chức các hoạt động vì sự phát triển của TTCK Việt Nam, nâng cao vị thế của TTCK Việt Nam từ thị trường cận biên lên thành thị trường mới nổi MSCI. Hai bên sẽ chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về các thông lệ và chuẩn mực tốt nhất trong lĩnh vực kiểm soát và quản trị rủi ro, quản trị công ty và tuân thủ, chuẩn mực kế toán và hệ thống báo cáo tài chính, thu hút đầu tư gián tiếp vào TTCK Việt Nam, phát triển các sản phẩm mới cho TTCK.

Trong suốt nhiều năm qua, MBKE đã không ngừng nỗ lực giới thiệu Việt Nam và các cơ hội đầu tư tại thị trường vốn trong nước thông qua việc tổ chức hàng loạt các buổi hội thảo, chương trình kết nối các quỹ đầu tư hàng đầu thế giới với các doanh nghiệp, các chuyên gia kinh tế, và đại diện các cơ quan ban ngành của Việt Nam. Sự kiện Vietnam Forum 2019 tại Singapore vào tháng 11 năm 2019 được tổ chức thành công bởi sự phối hợp giữa Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (ISEAS - Yusof Ishak Institute), Trường Chính sách Công và Quản lý Fulbright và Tập đoàn Maybank Kim Eng là một minh chứng cụ thể. Với chủ đề “VIETNAM’S BUSINESS ENVIRONMENT AMIDST GLOBAL UNCERTAINTIES”, diễn đàn quy tụ sự tham dự của các nhà hoạch định chính sách và chuyên gia kinh tế hàng đầu như ông Choi Sing Kwok - Giám đốc Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Tiến sỹ Vũ Thành Tự Anh - Giám đốc Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright tại Việt Nam, ông Phạm Quang Vinh - Nguyên thứ trưởng Bộ Ngoại Giao, cựu Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ,... với các báo cáo chuyên sâu giúp các nhà đầu tư quốc tế có được bức tranh rõ nét nhất về môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam trong bối cảnh rất nhiều bất định của kinh tế toàn cầu.

MBKE đã tham gia đóng góp 3 báo cáo chuyên sâu của các chuyên gia hàng đầu thuộc Bộ phận nghiên cứu phân tích về tác động thương chiến Mỹ - Trung, về triển vọng thị trường vốn và quá trình chuyển đổi số của khối ngân hàng Việt Nam.

Trước đó vào tháng 10 năm 2018, với sự kết nối của Tập đoàn, MBKE đã phối hợp cùng UBCKNN tổ chức thành công sự kiện “The Hanoi Dialogue - Đối thoại Hà Nội” với sự tham dự của rất nhiều quỹ đầu tư quốc tế lớn và đại diện của các quỹ đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. Chương trình đã thảo luận nhiều vấn đề nóng của thị trường từ góc nhìn của nhà đầu tư nước ngoài, đưa ra các khuyến nghị để UBCKNN cùng các cơ quan chức năng có thể nhanh chóng tháo gỡ, tạo động lực cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia mạnh hơn, sâu hơn vào thị trường. Đại diện UBCKNN và các quỹ tham gia sự kiện đặc biệt đánh giá cao vai trò cầu nối cũng như nỗ lực của MBKE để có được một chương trình đối thoại cực kỳ thăng tiến với nhiều thông tin có giá trị cho các bên tham dự.

Các giải thưởng

Ghi nhận nỗ lực đóng góp cho sự phát triển TTCK Việt Nam của MBKE, tại buổi lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty (ngày 14 tháng 12 năm 2007 - ngày 14 tháng 12 năm 2017), MBKE đã vinh dự được đại diện lãnh đạo cấp cao của UBCKNN trao tặng Giấy khen đã có thành tích đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của TTCK Việt Nam trong giai đoạn 2007 - 2017.

Tháng 12 năm 2018, MBKE tiếp tục nhận giấy khen của UBCKNN vì đã có thành tích trong việc xây dựng và phát triển Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015 - 2018.

Với nỗ lực và những thành tựu được ghi nhận trong suốt chặng đường hơn 10 năm theo đuổi mô hình công ty chứng khoán đẳng cấp quốc tế, MBKE tự hào đã thật sự tạo dựng được niềm tin nơi nhà đầu tư cũng như tất cả các đối tác trong và ngoài nước - yếu tố nền tảng quan trọng cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai. Năm 2018, với sự hỗ trợ từ Tập đoàn, MBKE đã tham gia tư vấn thành công thương vụ IPO trị giá 1,35 tỷ Đô la Mỹ của Vinhomes. Thương vụ đã đem đến cho MBKE và Tập đoàn 2 giải thưởng lớn từ 2 tạp chí uy tín hàng đầu là The Asset và IFR Asia. Theo đó, The Asset bình chọn Vinhomes IPO là “Thương vụ IPO thành công nhất Việt Nam”, IFR Asia bình chọn đây là “Đợt phát hành thành công nhất thị trường cận biên khu vực châu Á”.

Bên cạnh niềm tin và uy tín, những giải thưởng danh giá tầm cỡ khu vực là minh chứng khẳng định vị thế và quyết tâm của Maybank Kim Eng trong việc trở thành công ty chứng khoán đẳng cấp quốc tế hàng đầu khu vực.



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

MBKE được phép hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm các nghiệp vụ sau:

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán, và
- Giao dịch ký quỹ chứng khoán

Ngoài ra, Công ty có thể cung cấp các dịch vụ khác có liên quan đến chứng khoán như nghiên cứu, tư vấn tài chính, ngân hàng đầu tư.

Hiện tại, bên cạnh Hội sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, MBKE có 5 chi nhánh trên toàn quốc:

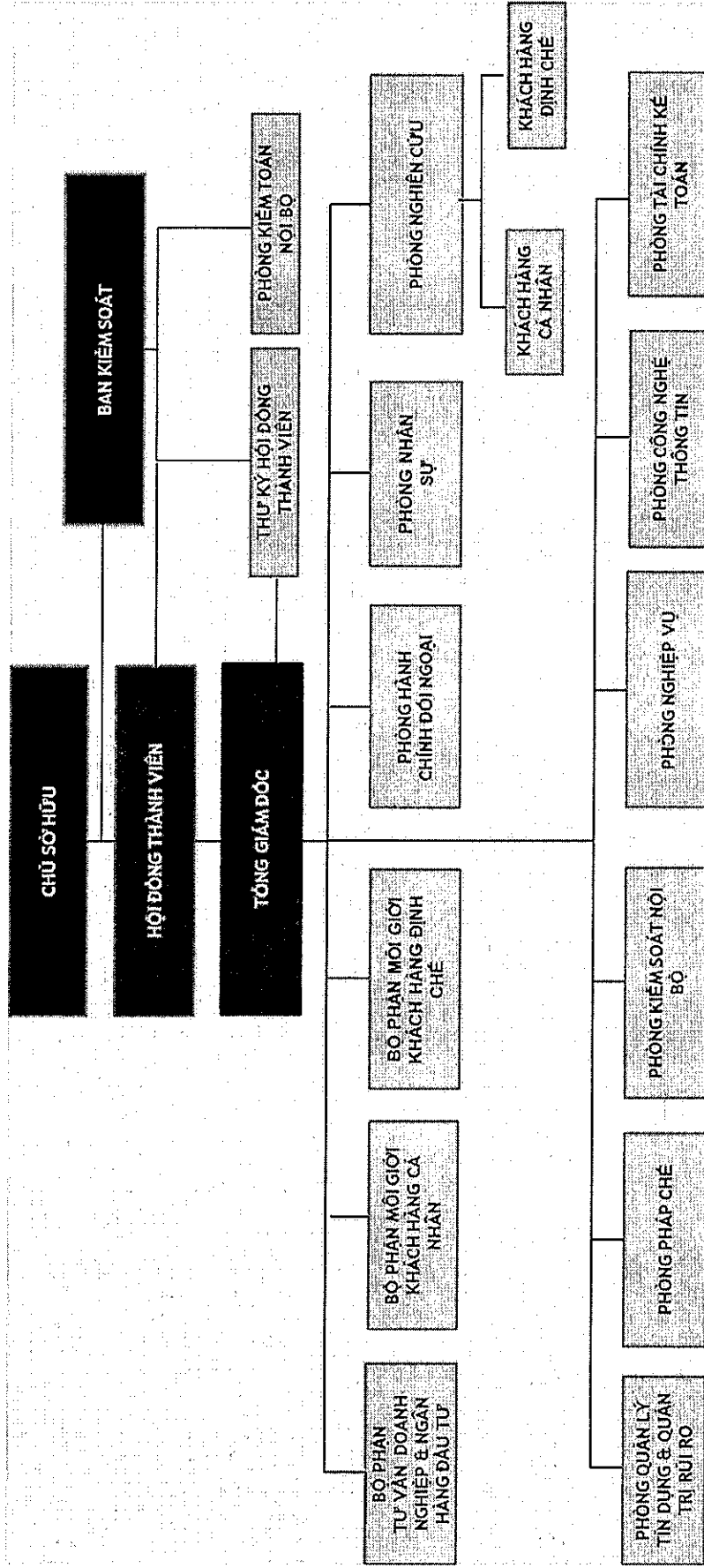
Chi nhánh	Thông tin liên hệ
Chợ Lớn	Khu vực D7 (Tầng 1) Cao ốc Tân Đà, số 86 Tân Đà, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh Tel: (028) 62 610 778 - Fax: (028) 38 59 06 99
Phú Nhuận	Số 456 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh Tel: (028) 62 927 029 - Fax: (028) 62 927 019
Đồng Nai	Tầng 3, Phòng 303, Tòa nhà NK, 208D Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Tel: (0251) 39 40 490 - Fax: (0251) 39 40 499
An Giang	Tầng 3, Toà nhà Nguyễn Huệ, số 9/9 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang Tel: (0296) 3922 229 - Fax: (0296) 76 3922 899
Hà Nội	Phòng 06, Tầng 3A, Toà nhà Horison, số 40 phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội Tel: (024) 39 44 05 06 - Fax: (024) 39 44 05 08

4. Thông tin về mô hình quản trị, bộ máy quản lý

MBKE là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có 100% vốn chủ sở hữu nước ngoài. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất là Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu bổ nhiệm.

Sơ đồ tổ chức Công ty như sau:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN MAYBANK K.M ENG
 Báo cáo thường niên năm 2019 (tiếp theo)



Bộ máy quản lý như chi tiết dưới đây:

4.1 Hội đồng Thành viên

Các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</i>
Bà Che Zakiah Binti Che Din	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019
Ông Ronnie Royston Fernandiz	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014
Ông Goh Cho Kiat Jeffrey	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2014
Ông Mohamad Yasin Bin Abdullah	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2018
Ông Alexander Panasko	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2016
		Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Ông Rajiv Vijendran	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019

4.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Tô Quốc Tuấn	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 9 năm 2019
Bà Trần Thị Thu Hằng	Giám đốc Tài chính Kế toán	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2019
Ông Trần Châu Tiến	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Gia Vinh	Giám đốc Khối ngân hàng đầu tư	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2017
Bà Lê Hồng Liên	Giám đốc Khối nghiên cứu phân tích khách hàng tổ chức	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2013
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014

4.3 Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Malique Firdauz Bin Ahmad Sidique	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2018
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2014
Bà Trần Ngọc Như Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2018

5. Định hướng phát triển

5.1 Mục tiêu chung

- Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng của Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung.
- Hướng lợi ích hợp lý và hợp pháp từ việc cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cho khách hàng.
- Tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh.
- Quản trị đòn bẩy tài chính hợp lý đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.
- Xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả trên toàn cầu.

5.2 Chiến lược phát triển

Sau 5 năm hội nhập toàn diện vào hệ thống toàn cầu của tập đoàn (2012 - 2017), MBKE đã chuẩn bị cho mình một nền tảng vững vàng để sẵn sàng nắm bắt cơ hội đưa MBKE lên một tầm cao mới. Có bốn yếu tố then chốt và cũng là định hướng Công ty đặc biệt chú trọng trong chiến lược phát triển nhằm khẳng định vị thế hàng đầu tại TTCK Việt Nam trong giai đoạn (2018 - 2027).

#1 Trở thành nhà môi giới chứng khoán trực tuyến hàng đầu

- Tập trung duy trì vị trí tiên phong thông qua đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ, đem đến cho khách hàng những trải nghiệm khác biệt khi giao dịch tại MBKE.

- Tiếp tục giới thiệu tới khách hàng Việt Nam những sản phẩm, dịch vụ đã thành công tại các thị trường phát triển trong khu vực.
- Ứng dụng công nghệ nâng cao chất lượng môi giới nhằm cung cấp những tư vấn và giải pháp đầu tư hiệu quả nhất cho khách hàng.

#2 Đẩy mạnh vai trò là cổng kết nối khu vực

- Với lợi thế có mặt tại 10 nước thành viên ASEAN, Công ty sẽ tăng cường vị thế là “Cổng kết nối khu vực - ASEAN Gateway”, thu hút nguồn vốn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, góp phần phát triển các doanh nghiệp trong nước nói riêng và TTCK Việt Nam nói chung.
- Với sự hợp lực của Tập đoàn, MBKE có thể tiếp cận đến hơn 500 khách hàng tổ chức trong khu vực và toàn cầu bao gồm cả Mỹ, Anh, Hồng Kông,... Thông qua chuỗi Hội nghị Đầu tư InvestASEAN, Công ty sẽ hỗ trợ việc tìm kiếm, cung cấp các cơ hội đầu tư trong ASEAN cho các doanh nghiệp Việt Nam và quốc tế.

#3 Đi đầu trong việc cung cấp các báo cáo phân tích thị trường chất lượng cao

- Luôn bám sát thị trường, các chuyên gia giàu kinh nghiệm của MBKE sẽ tiên phong cung cấp thông tin, đánh giá quan trọng và có giá trị về các vấn đề nóng đang được quan tâm trên thị trường.

#4 Phát triển nguồn nhân lực

- Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư, hoàn thiện nền tảng công nghệ, liên tục cho ra đời những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, Công ty sẽ đặc biệt chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực và tầm nhìn quốc tế.

Để đạt được mục tiêu chiến lược trở thành nhà môi giới chứng khoán hàng đầu khu vực của Tập đoàn, MBKE sẽ không ngừng củng cố thế kiềng ba chân ở cả ba mảng kinh doanh trọng yếu:

- Tiếp tục phát huy thế mạnh, không ngừng gia tăng doanh thu từ mảng môi giới khách hàng cá nhân.
- Tăng cường hoạt động của khối môi giới khách hàng tổ chức
- Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhằm đẩy mạnh hoạt động ngân hàng đầu tư

Tất cả các hoạt động của MBKE sẽ được triển khai đồng bộ theo phương châm
“**MẠNH HƠN - QUYẾT LIỆT HƠN - TỐT HƠN!**”

6. Các rủi ro kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán của MBKE

Rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán đa dạng, tạo ra bởi nhiều thành tố khác nhau. Có những rủi ro đến từ bên ngoài Công ty như rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản của thị trường. Cũng có những rủi ro đến từ bên trong Công ty như rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành, rủi ro tuân thủ, rủi ro thanh toán.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

6.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Đây là rủi ro phát sinh từ sự biến động mạnh của kinh tế vĩ mô (lạm phát, tỷ giá, nợ xấu, lãi suất,...), chính sách thuế, chính sách kinh tế... Rủi ro thị trường không thể loại bỏ được và Công ty đã xây dựng đội ngũ chuyên viên phân tích dự báo thị trường để đề ra các phương án dự phòng hiệu quả.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty nắm giữ là không đáng kể.

6.2 Rủi ro thanh khoản của thị trường

Đây là rủi ro chung cho mọi công ty chứng khoán (“CTCK”). Khi thanh khoản của thị trường giảm mạnh và đột ngột thì rủi ro cho các CTCK là rất lớn với nghiệp vụ tự doanh, cho vay ký quỹ.

Hiện tại Công ty chỉ cung cấp các dịch vụ liên quan đến kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư và chưa mở rộng tự doanh. Vì vậy MBKE không gặp rủi ro với nghiệp vụ tự doanh khi thanh khoản của thị trường giảm. Tuy nhiên thanh khoản của thị trường giảm sút cũng làm ảnh hưởng đến doanh thu và các hoạt động kinh doanh khác của công ty.

6.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Nhiều công ty chứng khoán đã bị thua lỗ rất lớn vì khách hàng không còn khả năng chi trả cho những khoản vay để giao dịch ký quỹ. Tại MBKE, chúng tôi ý thức rất rõ về rủi ro này từ ngày đầu cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ cho khách hàng và chúng tôi đã thiết lập được cho mình một hệ thống quản lý giao dịch ký quỹ luôn theo dõi tổng dư nợ, cũng như các tỷ lệ ký quỹ theo thời gian thực.

6.4 Rủi ro vận hành

Đây là rủi ro có mặt trong quá trình hoạt động, vận hành của mọi công ty chứng khoán. Rủi ro này có nguồn gốc từ thao tác của đội ngũ nhân viên môi giới, đội ngũ nhân viên khối nghiệp vụ hỗ trợ, từ hệ thống công nghệ thông tin. Một vài ví dụ điển hình là nhân viên môi giới đặt sai lệnh, giả mạo chữ ký khách hàng rút tiền, nhân viên nghiệp vụ hạch toán sai số tiền, số tài khoản. MBKE đã có sẵn hệ thống theo dõi và kiểm soát các rủi ro vận hành rất chặt chẽ bằng các hình thức như kiểm tra chéo trước khi duyệt lệnh, tách bạch tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư khỏi tài khoản tiền gửi của công ty.

6.5 Rủi ro tuân thủ

Rủi ro này tính đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành cho TTCK. Các CTCK cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh đổ vỡ hệ thống. Hành vi một số CTCK bất chấp quy định chưa cho phép mà vẫn cho ra đời những sản phẩm dịch vụ như cho vay giao dịch ký quỹ trước đây đã gây ra tổn thất nặng nề là bài học lớn cần ghi nhớ.

Tập đoàn Maybank đề cao tính tuân thủ pháp luật nước sở tại và các quy định của Tập đoàn, của Công ty. MBKE cũng đã xây dựng và phát triển các bộ phận Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ, Pháp chế và Kiểm toán nội bộ để kiểm soát chặt chẽ rủi ro tuân thủ.

6.6 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. *Khái quát về kinh tế vĩ mô và TTCK Việt Nam*

Trích báo cáo chiến lược 2020 – Maybank Kim Eng

TTCK Việt Nam khép lại năm 2019 khá thất vọng với việc chỉ số đại diện VN-Index chỉ tăng 7,8% (đạt gần 961 điểm) so với mức tăng 15% MSCI Asia, không bao gồm Nhật Bản, hay 21% và 29% lần lượt của TTCK Trung Quốc (SHE) và thị trường Mỹ (S&P500). Thanh khoản cả 3 sàn vẫn chưa phục hồi so với đỉnh 2018 với trung bình ngày chỉ đạt gần 4 nghìn tỷ Việt Nam Đồng, giảm 27% so với năm trước.

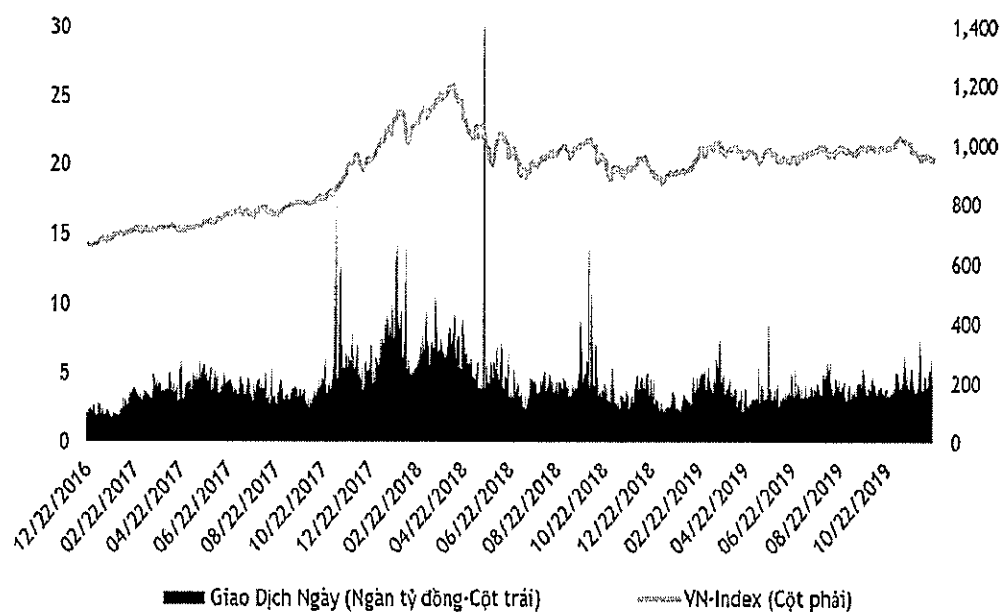
Với những bất ổn từ căng thẳng chiến tranh thương mại (từ giữa năm 2018) và sự cạnh tranh (thu hút vốn ngoại) từ các thị trường khác (ví dụ như Indonesia và Philippines) năm 2020 sẽ là một năm đặc biệt khó đoán dù các yếu tố và chỉ số có vẻ nghiêng về phía tích cực, ủng hộ VN-Index thử sức và chinh phục lại mốc 1.000.

5 điểm nổi bật của TTCK năm 2019 có thể kể đến bao gồm:

- *VN-Index tăng trưởng khiêm tốn và thanh khoản suy giảm*

Mặc dù kinh tế vĩ mô có năm thứ hai liên tiếp đạt tăng trưởng GDP trên 7%, S&P, sau Fitch và Moodys, cũng nâng hạng Việt Nam sau 9 năm, 18 ngân hàng công bố đạt chuẩn Basel II, xuất siêu, và cán cân thanh toán tổng thể cũng như dự trữ ngoại hối đạt mức kỷ lục, nhưng chỉ số VN-Index chỉ loanh quanh với mức tăng chưa được 8% và thanh khoản suy giảm đáng kể.

Biểu đồ 1. Chỉ số VN-Index chỉ tăng nhẹ với thanh khoản giảm trong năm 2019



Nguồn: Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

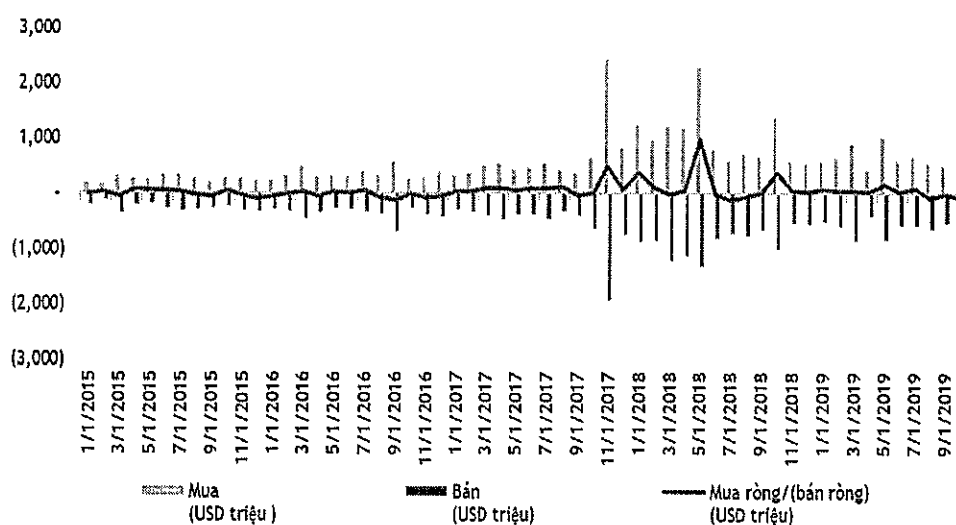
- *Vắng bóng các IPO lớn*

Năm 2019 gần như không có 1 đợt IPO, thoái vốn (của nhà nước) hay niêm yết lớn nào sau 2 năm 2017 - 18 rất sôi động với IPO của Vietjet, VPBank, HDBank, Techcombank, Vinhomes, Vincom Retail, bán vốn của Nhà nước tại Sabeco hay cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại PVPower (POW), Binh Son Refinery (BSR), và PVOIL (OIL),... Nổi bật trong năm 2019 có lẽ gói gọn ở đợt phát hành cổ phiếu BID cho KEB Hana (trị giá khoảng 20.300 tỷ Việt Nam Đồng), Vietcombank cho GIC và Mizuho (trị giá khoảng 6.200 tỷ Việt Nam Đồng) và SK Group chi khoảng 1 tỷ Đô la Mỹ cho 205,7 triệu cổ phiếu phát hành sơ cấp và thứ cấp của Vingroup (VIC) và 500 triệu Đô la Mỹ GIC và Credit Suisse chi ra mua hơn 16% cổ phần tại VinCommerce, cũng thuộc tập đoàn Vingroup.

- *Sụt giảm giá trị mua ròng của khối ngoại*

Tính cả năm 2019 khối ngoại chỉ mua ròng 7.339 tỷ Việt Nam Đồng (315 triệu Đô la Mỹ), so với 1,9 tỷ Đô la Mỹ năm 2018, đồng thời cũng thấp hơn mức 1,3 tỷ Đô la Mỹ trong năm 2017. Trong đó họ mua ròng 6.700 tỷ Việt Nam Đồng trên sàn chứng khoán Hồ Chí Minh, 1.400 tỷ Việt Nam Đồng trên UpCOM, nhưng bán ròng gần 774 tỷ Việt Nam Đồng trên sàn HNX.

Biểu đồ 2. Giao dịch mua/(bán) của khối ngoại tại HoSE

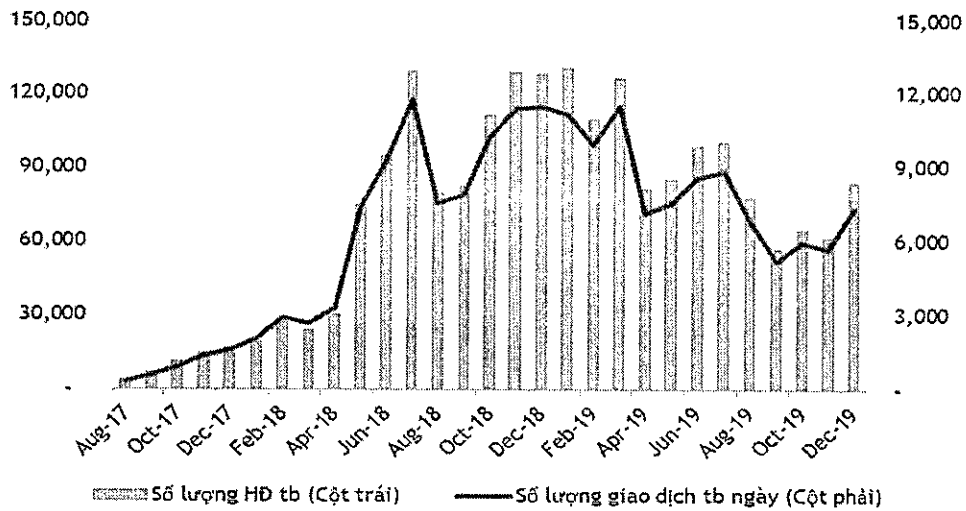


Nguồn: Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

- Thị trường phái sinh trầm lắng và sự ra đời của hợp đồng chứng quyền (covered warrants)

Thị trường phái sinh cũng có 01 năm khá trầm lắng. Các nhà đầu tư đã thận trọng hơn trong việc sử dụng đòn bẩy để mua hay bán các hợp đồng tương lai khi xu hướng thị trường không rõ ràng. Từ đó tác động ngược của thị trường hợp đồng tương lai lên chứng khoán cơ sở cũng giảm lại. Số lượng hợp đồng giao dịch trung bình ngày giảm còn 90 nghìn hợp đồng (so với mức 108 nghìn hợp đồng trong giai đoạn tháng 5 - 12 năm 2018). Đặc biệt trong quý 4 năm 2019 giao dịch trung bình chỉ đạt chưa tới 70 nghìn hợp đồng tương lai/ngày, giảm 43% so với cùng kì năm ngoái. Ở chiều ngược lại số lượng hợp đồng mở (Open Interest) tăng lên, trung bình gần 25,7 nghìn hợp đồng (so với mức hơn 11,3 nghìn trung bình năm 2018).

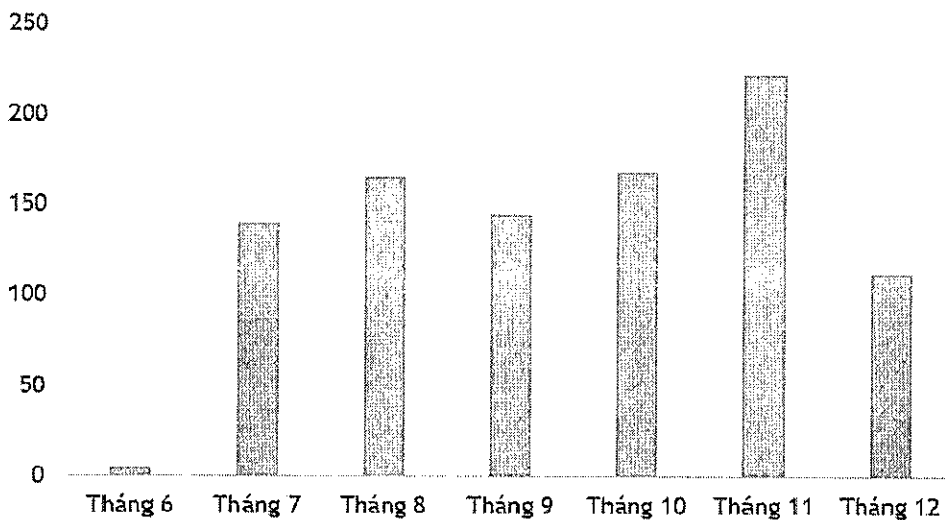
Biểu đồ 3. Giao dịch hợp đồng tương lai hạ nhiệt trong năm 2019



Nguồn: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Mặc dù còn nhiều hạn chế (chỉ có hợp đồng quyền mua, chưa có hợp đồng quyền bán) và giao dịch còn thấp do giá nhiều chứng quyền khá cao, cũng như nhiều hợp đồng quyền mua một số mã cổ phiếu không quá hấp dẫn, sự ra đời của hợp đồng chứng quyền là một bước tiến tích cực của thị trường và các cơ quan quản lý trong việc làm phong phú sản phẩm trên TTCK.

Biểu đồ 4: Giao dịch chứng quyền còn khá mới mẻ, giao dịch còn thấp (tỷ đồng)



Nguồn: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- *Thông qua Luật Chứng khoán sửa đổi*

Luật Chứng khoán sửa đổi cuối cùng đã được thông qua trong kì họp Quốc hội tháng 12 năm 2019, tạo ra một hành lang pháp lý phù hợp hơn với nhu cầu cũng như tốc độ phát triển của thị trường trong thời gian qua. Luật cũng đồng thời tạo điều kiện rộng đường phối hợp với Luật Doanh nghiệp sửa đổi khi Luật này được thông qua, dự kiến trong năm 2020. Ví dụ được chờ đợi nhất là cơ sở pháp lý thống nhất cho việc ra đời cổ phiếu không có quyền biểu quyết (NDVR) hay cho việc phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá,...

2. Hoạt động kinh doanh của MBKE năm 2019

Năm 2019 là năm thứ hai Công ty bước vào hành trình mới với phương châm **MẠNH HƠN - QUYẾT LIỆT HƠN - TỐT HƠN!**”. Kiên định với chiến lược phát triển mang tính bền vững, lấy khách hàng làm trọng tâm, cộng hưởng với văn hóa kinh doanh chuyên nghiệp và chuẩn mực của Maybank - tập đoàn tài chính hàng đầu khu vực, MBKE đã bước vào năm 2019 với rất nhiều hứng khởi và quyết tâm.

Với sự chấp thuận của Hội đồng Thành viên, MBKE đã triển khai thành công hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh vào quý 4 năm 2019. Đồng thời, Công ty đã sẵn sàng để tham gia các sản phẩm mới của thị trường, cụ thể như: chứng quyền.

Năm 2019, MBKE tiếp tục ghi nhận sự phát triển về doanh số cho vay ký quỹ và lợi nhuận với mức tăng trưởng lần lượt là 19,5% và 5% so với năm 2018. Mặc dù TTCK có sự sụt giảm lớn về giá trị giao dịch nhưng bằng sự quyết tâm và nỗ lực cao độ của cả tập thể, Công ty vẫn mở rộng được thị phần với mức tăng 14% so với 2018. Điểm sáng của 2019 so với các năm trước đó là Khối khách hàng tổ chức liên tiếp phát huy những sức mạnh tiềm năng, tận dụng các thế mạnh từ mạng lưới khách hàng rộng khắp của Tập đoàn và đã đóng góp đáng kể trong kết quả kinh doanh toàn Công ty. Điều này hoàn toàn phù hợp với chiến lược lâu dài của Công ty là phát triển đồng đều cả ba khối kinh doanh chính.

Ngoài ra, MBKE thường xuyên tổ chức các cuộc gặp gỡ cho các quỹ đầu tư nước ngoài đến tìm hiểu TTCK và doanh nghiệp Việt Nam, cũng như thực hiện hàng loạt các hội thảo, sự kiện để giới thiệu TTCK trong nước ra các thị trường lớn trên thế giới và khu vực như Mỹ, Anh, Canada, Singapore, Thái Lan, Hồng Kông. Hai trong các sự kiện này là Hội nghị Đầu tư InvestASEAN được tổ chức vào tháng 5 năm 2019 và Vietnam Forum 2019 được tổ chức vào tháng 11 năm 2019 tại Singapore. Kết quả của các nỗ lực kết nối thị trường này là MBKE đã nhận được sự đánh giá rất cao từ cộng đồng nhà đầu tư quốc tế, được liên tiếp xuất hiện trên Bloomberg như là đối tác tin cậy bậc nhất tại Việt Nam của các nhà đầu tư quốc tế.

Với những thành công của năm 2019, MBKE càng quyết tâm hơn với chiến lược phát triển bền vững trong những năm sắp tới.

3. Tổ chức và nhân sự

3.1 Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu

Ban điều hành của Công ty (theo danh sách 4.2, phần I) không nắm giữ cổ phần của Công ty.

3.2 Những thay đổi trong Ban điều hành

Tháng 9 năm 2019, Công ty bổ nhiệm Ông Tô Quốc Tuấn vào chức vụ Giám đốc Tài chính, thay cho bà Trần Thị Thu Hằng miễn nhiệm vào tháng 6 năm 2019.

3.3 Số lượng cán bộ nhân viên

Số lượng nhân viên của MBKE luôn ổn định với đội ngũ gần 200 nhân sự. Ngoài các chính sách của công ty đối với người lao động theo luật định, Công ty còn mua bảo hiểm sức khỏe cho mỗi nhân viên và một thành viên trong gia đình.

4. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Hàng năm, MBKE liên tục triển khai các dự án như hiện đại hóa hệ thống quản trị rủi ro, dự án phát triển ứng dụng giao dịch trực tuyến cho các thiết bị Apple như Ipad, Iphone, cũng như của Android như Samsung Galaxy, đầu tư nâng cấp hệ thống máy móc thuộc phần cứng, đầu tư nâng cấp phần mềm cho các hệ thống.

Công ty là đơn vị tiên phong đã đầu tư xây dựng hệ thống SAP cho hệ thống thông tin kế toán và hệ thống DR Site với tổng vốn đầu tư hơn 400.000 Đô la Mỹ. Hệ thống thông tin kế toán mới này không chỉ phục vụ cho việc hạch toán kế toán và báo cáo tài chính kế toán theo quy định của pháp luật kế toán tại Việt Nam, mà còn tích hợp với hệ thống quản trị tài chính kế toán toàn Tập đoàn, cập nhật các thay đổi của chuẩn mực kế toán quốc tế.

Hệ thống DR Site là hệ thống giao dịch dự phòng, cho phép các hệ thống chính phục vụ giao dịch được hoạt động liên tục ngay cả khi hội sở bị sự cố như thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt,... Trong năm qua, hệ thống DR Site của Công ty đã được chuyển vào Trung tâm dữ liệu dự phòng của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) tại công viên phần mềm Quang Trung theo tiêu chuẩn của SGDCK HCM và đã được chính thức cấp phép kết nối với SGDCK HCM.

Sự phát triển đa dạng của công nghệ 4.0 cũng gắn liền với rất nhiều hiểm họa tấn công thông qua hệ thống mạng. Công ty, với sự hỗ trợ của Tập đoàn, đã đầu tư và đưa vào sử dụng hai hệ thống kiểm soát hiện đại phục vụ công tác bảo mật thông tin. Đó là hệ thống bảo vệ nhận dạng và phòng chống các malware, ransomware tấn công hệ thống mạng công ty, và DLP (Data Leak Prevention), nhằm mục đích theo dõi, phòng chống thất thoát dữ liệu trong hệ thống mạng nội bộ công ty.

Năm 2019, MBKE đã nhận được đầy đủ các giấy chứng nhận của các cơ quan chức năng và chính thức cung cấp sản phẩm chứng khoán phái sinh kể từ ngày 9 tháng 12 năm 2019.

5. Tình hình tài chính

5.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Biến động (%)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	4.258.418.879	11.948.609.958	-64,4%
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	172.667.254.113	144.443.983.983	19,5%
- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	101.097.873.302	125.420.915.289	-19,4%
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	2.537.393.139	-100,0%
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.513.391.495	5.632.744.053	-2,1%
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	382.600.000	1.778.800.000	-78,5%
Thu nhập hoạt động khác	7.689.234.164	7.232.731.286	6,3%
Cộng doanh thu hoạt động	291.608.771.953	298.995.177.708	-2,5%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG
 Báo cáo thường niên năm 2019 (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Biến động (%)
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	129.006.764.579	144.301.243.049	-10,6%
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	3.060.575.345	4.286.609.029	-28,6%
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	28.770.123	32.279.861	-10,9%
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	80.131.098.615	77.785.989.386	3,0%
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	85.502.713.981	81.162.274.441	5,3%
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC	500.771.243	961.919.909	-47,9%
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	86.003.485.224	82.124.194.350	4,7%
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	17.274.541.507	16.608.170.896	4,0%
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	68.728.943.717	65.516.023.454	4,9%

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng 4,9% tương đương 3.212.920.263 Việt Nam Đồng so với năm trước từ các nguyên nhân sau đây:

- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng 19,5% tương đương 28.223.270.130 Việt Nam Đồng do chiến lược kinh doanh mới của Công ty đã phát huy hiệu quả.
- Doanh thu hoạt động giảm 2,5% chủ yếu từ doanh thu môi giới chứng khoán và lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) giảm lần lượt là 19,4% và 64,4%, tương đương 24.323.041.987 Việt Nam Đồng và 7.690.191.079 Việt Nam Đồng.
- Chi phí hoạt động giảm mạnh 10,6% tương ứng với mức giảm doanh thu và hiệu quả của việc kiểm soát chi phí mang lại.
- Chi phí quản lý tăng 3% do Công ty tiếp tục đầu tư công nghệ thông tin nhằm nâng cao hệ thống quản trị rủi ro và công tác bảo mật thông tin.

5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	288,5%	399,2%
- Hệ số thanh toán nhanh:		
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	288,5%	399,2%
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	33,7%	24,4%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	50,8%	32,3%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG
Báo cáo thường niên năm 2019 (tiếp theo)

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	-	-
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	14,7%	18,2%
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	23,3%	21,6%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	5,3%	6,1%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,4%	3,9%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	29,0%	26,8%

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1 Tình hình thay đổi vốn chủ đầu tư

Vốn chủ đầu tư của Công ty không có thay đổi trong năm.

6.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày báo cáo

Chủ sở hữu của Công ty là Maybank Kim Eng Holdings Limited.

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

7.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2019, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

7.2 Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động trung bình của Công ty là 180 lao động/năm. Thu nhập trung bình đối với người lao động là 37.183.364 Việt Nam Đồng/tháng.

Chính sách lao động là nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Ngoài các chính sách lương, thưởng theo Luật lao động và quy định của Công ty, Công ty còn có các chính sách phúc lợi cho người lao động như: tổ chức sinh nhật, teambuilding (hoạt động tập thể), khám sức khỏe định kỳ 1 năm/1 lần, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm lao động cho nhân viên và người thân, chế độ ốm đau, thai sản,...
- Về hoạt động đào tạo người lao động, số giờ đào tạo trung bình cho tất cả nhân viên của Công ty là 3,5 giờ/năm.

7.3 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hoạt động đóng góp cho cộng đồng từ lâu đã trở thành nét văn hóa đẹp, là niềm tự hào của các thành viên Maybank trên toàn cầu, đặc biệt phải kể đến “Global CR Day - Ngày hoạt động vì cộng đồng” được Maybank thực hiện thống nhất trên toàn cầu. Global CR Day là một phần của chương trình thiện nguyện, hướng nhân viên của Tập đoàn tham gia trực tiếp các hoạt động đóng góp cho cộng đồng ở tất cả các quốc gia mà Maybank đang hiện diện. Đây được coi là một hoạt động cộng đồng lớn nhất với gần 100 sáng kiến hướng tới cộng đồng được thực hiện đồng thời trên toàn cầu trong cùng một ngày bởi một công ty của Malaysia. Các hoạt động rất đa dạng bao gồm từ giúp trẻ em nghèo, mồ côi, người khuyết tật, người già neo đơn, các bà mẹ đơn thân cho tới các hoạt động bảo vệ môi trường như trồng cây, làm sạch bờ biển,...

Hưởng ứng Global CR Day 2019 của Tập đoàn Maybank, vào ngày 24 tháng 8 năm 2019, cùng với hơn 22.000 nhân viên Maybank trên toàn cầu, các tình nguyện viên (“TNV”) của Công ty đến thăm lại Thiêng Liêng - Ấp đảo biệt lập và nghèo nhất của xã Thạnh An, huyện Cần Giờ và thực hiện hàng loạt hoạt động ý nghĩa hướng tới cộng đồng, đặc biệt là các em học sinh đang trong mùa tựu trường.

Các TNV đã trao tặng cho tặng toàn bộ 62 em nhỏ của trường Tiểu học Thạnh An (điểm trường Thiềng Liềng) mỗi em một bộ đồng phục tới trường cùng bộ dụng cụ học tập bao gồm tập vở, bút, thước kẻ, bút chì, 20 suất học bổng cho các em học sinh trung học có nhiều nỗ lực vươn lên trong học tập và trợ giúp tiền cho 5 em học sinh thuộc hộ gia đình khó khăn để trang trải tiền đồ mỗi ngày trong một niên học 9 tháng,... và bánh, kẹo, sữa do các thành viên nhóm gửi tặng. MBKE đặc biệt đã trao tặng các thầy cô bốn tháp trồng rau tự phân hủy rác thải hữu cơ nhằm giúp các em nuôi dưỡng đam mê với cây trồng, biết trân trọng những người nông dân và học cách bảo vệ môi trường từ việc biết tận dụng nguồn rác thải hữu cơ cho việc chăm sóc cây trồng.

Các TNV đã tặng máy tính đã qua sử dụng nhưng còn hoạt động tốt, có thể truy cập Internet để làm phòng máy tính, điểm truy cập Internet cho người dân, đặc biệt là các cán bộ ấp và các bạn trẻ. Ngoài việc lắp đặt máy, cài đặt thiết bị wifi nhóm còn tài trợ các chi phí kết nối 3G cũng như giúp đỡ để lớp có thể được duy trì trong suốt niên học 2019 - 2020. Các TNV của Công ty tin tưởng rằng, với sự hỗ trợ của Internet, các cư dân, của ốc đảo biệt lập như Thiềng Liềng, đặc biệt là các em nhỏ sẽ có cơ hội bước ra thế giới rộng lớn, mở mang kiến thức. Người dân có cơ hội tiếp cận được nhiều thông tin hữu ích phục vụ việc tăng gia sản xuất, phát triển du lịch nhằm xóa đói giảm nghèo và từ đó cải thiện cuộc sống.

“Không có gì là không thể, chỉ cần các em không ngừng ước mơ” - thông điệp từ Tổng Giám đốc Maybank Kim Eng Việt Nam, ông Kim Thiên Quang đã đem đến cho các em nhỏ Thiềng Liềng sự khích lệ rất lớn nhân thêm năm học mới và khép lại chuyến đi với rất nhiều cảm xúc cho các thành viên tham gia.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Nghiệp vụ môi giới chuyên nghiệp

Tại Việt Nam, MBKE kiên quyết tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư khỏi tài khoản tiền của công ty, không phát triển nghiệp vụ tự doanh chứng khoán để đảm bảo rằng lợi ích kinh doanh của khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu và không có bất kỳ lợi ích nào đối lập với lợi ích của khách hàng.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, đã có 42.426 tài khoản chứng khoán giao dịch tại MBKE, đạt tăng trưởng tương ứng là 3,7% so với cùng kỳ năm 2018 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, có 40.950 tài khoản chứng khoán giao dịch).

Khối Môi giới tại MBKE trong năm 2019 đã giới thiệu đến Nhà đầu tư nhiều sản phẩm tài chính mới và các chương trình chăm sóc khách hàng tiêu biểu như:

- Sản phẩm Margin VIP cung cấp giải pháp đồng hóa tỷ lệ vay cho các cổ phiếu đạt các chuẩn yêu cầu của MBKE, giúp nhà đầu tư có thêm công cụ tài chính gia tăng giao dịch.
- Hai chương trình khuyến mãi liên tục kéo dài xuyên suốt năm 2019 dành cho khách hàng của MBKE diễn ra từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 01 tháng 7 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 mang đến mức lãi suất margin cực kỳ hấp dẫn chỉ với 9,9%/năm.
- Năm 2019, sản phẩm giao dịch trực tuyến của MBKE tiếp tục nhận giải thưởng TOP 100 sản phẩm/dịch vụ được Tin & Dùng 2019 do Thời báo Kinh Tế Việt Nam thực hiện (chỉ duy nhất MBKE là công ty chứng khoán nhận giải này). Đây cũng là năm đánh dấu sự thay đổi lớn khi MBKE quyết tâm đầu tư, đưa công nghệ mới, hiện đại cho giao dịch trực tuyến, tích hợp thêm các tính năng tương tác, phục vụ đa nền tảng và giải pháp streaming nhằm giúp nhà đầu tư thực hiện các thao tác giao dịch trực tuyến dễ dàng, nhanh chóng và thuận tiện. Các thông tin được cập nhật liên tục và nhanh chóng hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư trong việc đưa ra quyết định đầu tư kịp thời và hiệu quả.

- Chương trình MBKE tri ân khách hàng với tên gọi Loyalty Program diễn ra trong suốt năm 2019. Khách hàng khi giao dịch tại MBKE có thể tích lũy điểm thưởng trên phí giao dịch để nhận phiếu đổi quà với rất nhiều loại quà tặng thiết thực phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí, làm đẹp, thời trang và các sinh hoạt gia đình của hơn 102 thương hiệu tại 1.084 địa điểm ăn uống, thời trang, mua sắm trên toàn quốc.

Bên cạnh đó, MBKE luôn đồng hành với nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý trong chiến lược đầu tư và phát triển thị trường chứng khoán, cụ thể:

- Năm 2019 MBKE đã tổ chức hơn 100 buổi hội thảo và nói chuyện chuyên đề cho đông đảo nhà đầu tư trên cả nước nhằm cung cấp bức tranh tổng quát về TTCK Việt Nam, cập nhật các xu hướng của thị trường cũng như giải đáp các thắc mắc về danh mục đầu tư, mã chứng khoán mà nhà đầu tư quan tâm.
- Để giúp nhà đầu tư có hiểu biết thấu đáo về sản phẩm và cách vận hành của TTCK phái sinh, liên tục từ tháng 9 đến cuối tháng 12 năm 2019, MBKE đã tổ chức chuỗi hội thảo chuyên đề trên toàn quốc bao gồm Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và An Giang, tập trung về TTCK phái sinh và chứng quyền có đảm bảo (covered warrants) cho đông đảo khách hàng và các nhà đầu tư quan tâm.
- Ngoài ra, với nỗ lực quảng bá TTCK Việt Nam tới đông đảo nhà đầu tư trong khu vực song song việc góp phần đặt nền tảng nâng tầm các doanh nghiệp Việt Nam, MBKE đã tổ chức thành công nhiều buổi hội thảo cho nhà đầu tư nước ngoài với sự kiện nổi bật bao gồm: Hội nghị Đầu tư InvestASEAN 2019 tháng 5 năm 2019; Vietnam Forum 2019 tháng 11 năm 2019 tại Singapore. Bên cạnh đó, bộ phận môi giới khách hàng tổ chức cũng kết hợp với bộ phận nghiên cứu thực hiện các chuyến công tác tiếp thị giới thiệu các cơ hội đầu tư ở Việt Nam cho nhà đầu tư tại Singapore, Thái Lan và Malaysia. Các chương trình đã thu hút sự quan tâm và được đánh giá cao bởi đông đảo các nhà đầu tư tham dự.

2. Nghiệp vụ Nghiên cứu và Tư vấn đầu tư

Đối với bộ phận phục vụ khách hàng cá nhân

Trong năm 2019, các chuyên viên phân tích khối khách hàng cá nhân đã liên tục cập nhật tin tức, tổng kết tình hình và nhận định xu hướng giao dịch, đồng thời đưa ra những phân tích đánh giá về khả năng sinh lời của các cổ phiếu, đưa ra nhiều khuyến nghị đầu tư chính xác.

Khác với các năm trước khi MBKE liên tục tổ chức các hội thảo cho các nhà đầu tư cá nhân, năm 2019 bộ phận nghiên cứu phân tích tập trung vào việc cập nhật nhanh cho bộ phận môi giới và khách hàng thông qua ứng dụng IVAN và Market Insight. IVAN một thiết kế đặc biệt để cung cấp thông tin chuyên dụng cho bộ phận môi giới theo từng khách hàng/nhóm khách hàng để nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty. Ứng dụng Market Insight - tiếp tục là kênh cập nhật thông tin tiện lợi trên điện thoại thông minh cho các nhà đầu tư.

Ngoài các báo cáo, cập nhật, khuyến nghị về cơ hội cho từng cổ phiếu, bộ phận phân tích khối khách hàng cá nhân cũng đưa ra các báo cáo chuyên đề theo dòng thời sự của thị trường như báo cáo ảnh hưởng của MSCI khi cơ cấu lại tỷ trọng, báo cáo về cơ hội từ chiến tranh thương mại leo thang, báo cáo về EV-FTA hay tăng trưởng FDI ảnh hưởng đến các cổ phiếu cụ thể,...

Các chuyên viên phân tích giàu kinh nghiệm của MBKE còn thường xuyên hợp tác với các cơ quan báo đài như FBNC, VTV, VIR,... để đưa các nhận định chuyên môn của mình đến đông đảo cộng đồng nhà đầu tư.

Đối với bộ phận phục vụ khách hàng tổ chức

Năm 2019 đặc biệt là một năm thử thách với những biến động khó lường của thị trường, liên quan đến ảnh hưởng từ căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, nguy cơ tăng trưởng kinh tế chậm lại ở mức độ toàn cầu và ảnh hưởng đến kinh tế và TTCK Việt Nam. Những biến động liên tục của thị trường đòi hỏi phòng nghiên cứu phân tích phải nhạy bén theo sát diễn biến cũng như tác động của các sự kiện lên hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết để đưa ra tư vấn phù hợp nhất cho khách hàng. Mặc dù thanh khoản cả thị trường giảm nhưng thị phần cũng như doanh thu môi giới khách hàng tổ chức của MBKE tăng đáng kể trong năm 2019 với sự đóng góp không nhỏ của khối phân tích.

Đặc biệt, những khuyến nghị chuẩn xác đối với ngành ngân hàng và cổ phiếu ngân hàng (VCB, VPB, ACB và MBB) của các chuyên viên phân tích MBKE được ghi nhận và đánh giá rất cao trên thị trường, đóng góp tích cực vào hiệu quả giao dịch, gia tăng lợi nhuận cho nhà đầu tư. Năm 2019 đội ngũ chuyên viên phân tích của MBKE đón nhận thêm 2 thành viên mới, dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực Điện và Bất động sản, giúp hoàn thiện đáng kể độ phủ về ngành của các doanh nghiệp niêm yết trên TTCK của Công ty.

Với vai trò là cầu nối giữa các quỹ đầu tư nước ngoài với thị trường Việt Nam, bộ phận nghiên cứu khách hàng tổ chức đã tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động tư vấn, cập nhật chuyên sâu về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng, môi trường kinh doanh, hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức các chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam cho các đại diện quỹ qua đó tăng cường sự quan tâm, hiểu biết dẫn tới các hoạt động đầu tư trực tiếp, tăng cường tỷ trọng của các doanh nghiệp Việt Nam trong danh mục quản lý của các quỹ ngoại.

Được đánh giá cao bởi khách hàng, bộ phận nghiên cứu khách hàng tổ chức tiếp tục cân nhắc nhu cầu cân đối giữa đầu tư giá trị dài hạn và áp lực hiệu quả đầu tư trong ngắn hạn (ví dụ năm tài chính) của khách hàng. Các chuyên viên phân tích của MBKE đã nỗ lực đưa ra những khuyến nghị phù hợp với quan điểm đầu tư, điều lệ quỹ,... của các nhóm đối tượng khách hàng khác nhau.

Để hoàn thành mục tiêu kinh doanh của Công ty trong năm 2020, Bộ phận Nghiên cứu phân tích sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo ra sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm tư vấn, đẩy mạnh việc trao đổi thông tin kịp thời, là cầu nối hữu hiệu giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp khắp nơi, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển thị trường chứng khoán lành mạnh, bền vững.

3. Công nghệ thông tin và giao dịch trực tuyến

Trong thời đại công nghệ 4.0, nhà đầu tư khá bận rộn cũng như rất am tường về công nghệ thông tin và đặc biệt họ có thị hiếu muốn được tự mình thao tác, thực hiện việc kinh doanh chứng khoán trực tuyến, với cam kết cung cấp dịch vụ tài chính chất lượng cao cho nhà đầu tư, MBKE đặc biệt chú trọng đầu tư vào hạ tầng công nghệ, liên tục đưa các sản phẩm và dịch vụ trực tuyến đã thành công tại các thị trường khu vực để phục vụ nhà đầu tư Việt Nam. Hạ tầng công nghệ hiện đại theo chuẩn mực của Công ty đã cho phép công ty đưa mô hình quản lý kinh doanh mở, hiện đại, đem lại sự chủ động tuyệt đối, song song với sự tiện dụng “mọi lúc, mọi nơi” và hiệu quả tối đa cho nhà đầu tư nhờ áp dụng công nghệ mới gia tăng tốc độ và hiệu năng cho nhiều tính năng bằng giá thông minh, đặt lệnh online, tiện ích online...với sản phẩm trực tuyến là KE Trade nền tảng Web và KE Mobile dành cho ứng dụng di động.

Trong năm 2019, giao dịch trực tuyến KE Trade đã được nâng cấp bằng công nghệ Revamp thích ứng trên mọi kích thước màn hình thiết bị, cùng với thiết kế giao diện hiện đại và thuận tiện thao tác hơn cho người dùng tích hợp đa kênh giao dịch dựa trên nghiên cứu hành vi của người dùng trên thiết bị di động, nâng cao năng lực và tốc độ xử lý của hệ thống đảm bảo sự vận hành thông suốt, chính xác và hiệu quả cao của toàn bộ hệ thống giao dịch (front office), cùng với đó là sự chính xác, nhanh gọn và bảo mật của hệ thống lưu trữ, công cụ tiện ích hỗ trợ cho hệ thống back office, từ đó thay thế các sản phẩm đã không còn phù hợp như IFIS Internet, KE Trade Lite. Bên cạnh đó, MBKE tiếp tục triển khai thêm sản phẩm chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư với tổng mức đầu tư trong năm 2019 trên 100.000 Đô la Mỹ.

Giải pháp giao dịch chứng khoán trực tuyến tích hợp không chỉ cung cấp cho khách hàng công cụ đặt lệnh mua bán mà còn cho phép họ thực hiện hàng loạt nhu cầu giao dịch khác mà không cần phải có mặt tại MBKE. Tính bảo mật và độ an toàn của các sản phẩm giao dịch trực tuyến của MBKE cũng là điều được các nhà đầu tư Việt Nam đặc biệt tin tưởng và đánh giá cao cùng với tính năng đăng nhập KE Mobile trên thiết bị di động bằng sinh trắc học vân tay và khuôn mặt (Touch and face ID) mới được nâng cấp.

Sản phẩm giao dịch trực tuyến của Công ty năm 2019 tiếp tục vinh dự được bình chọn vào TOP 100 sản phẩm/dịch vụ được Tin & Dùng 2019 do Thời báo Kinh Tế Việt Nam thực hiện), đánh dấu 8 năm liên tiếp MBKE vinh dự nhận danh hiệu đặc biệt này.

Với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ chuyên viên MBKE, cũng như sự hợp tác cùng đối tác phát triển thuê ngoài, MBKE đã thực sự xây dựng được một tổ hợp các kênh giao dịch trực tuyến tiện lợi, an toàn, bảo mật, hiệu quả “chi phí - doanh thu” cao tạo sự thu hút lớn đối với các nhà đầu tư. Doanh thu qua kênh giao dịch trực tuyến không ngừng tăng trưởng. Lượng truy cập trung bình đạt trên 9.000 lượt/ngày, số lượng lệnh đặt trên 1 triệu lệnh, chiếm 89% tổng số lượng lệnh giao dịch toàn Công ty, là những minh chứng sống động cho sự thành công của tổ hợp giải pháp GDTT.

4. Tài chính doanh nghiệp vươn tới Ngân hàng đầu tư

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (Investment Banking) là một trong những dịch vụ có thế mạnh của Tập đoàn Maybank hiện nay. Với sức mạnh về tài chính và sự chuyên nghiệp, Tập đoàn Maybank là một trong những tổ chức đứng đầu về dịch vụ Ngân hàng đầu tư trong khu vực ASEAN.

Quy mô các dịch vụ Ngân hàng đầu tư của MBKE năm qua đã có những bước chuyển biến ban đầu nhưng còn khiêm tốn do đang trong tiến trình chuyển đổi theo hướng chuyên nghiệp và tư vấn có định hướng vào các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, trên cơ sở kế thừa các thế mạnh của Tập đoàn Maybank.

Với định hướng đó, MBKE đang tập trung phát triển các dịch vụ tư vấn thu xếp các sản phẩm vốn vay mà Maybank có lợi thế, tư vấn sáp nhập doanh nghiệp, huy động nguồn vốn từ các quỹ đầu tư tài chính chuyên nghiệp, các đối tác chiến lược nước ngoài,... cho các doanh nghiệp tại Việt Nam. Bên cạnh đó, MBKE cũng cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến tài chính doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu đa dạng của doanh nghiệp.

Với tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định và hoạt động kinh doanh sản xuất của khối khách hàng doanh nghiệp tiếp tục được đánh giá tích cực trong năm 2020, MBKE kỳ vọng mảng Ngân hàng đầu tư sẽ đạt được kết quả tốt hơn trong thời gian tới.

5. Kế hoạch kinh doanh năm 2020

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020 (VND)	Thực tế năm 2019 (VND)	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
I. DOANH THU			
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	142.859.397.385	151.473.387.922	(6%)
- Doanh thu môi giới chứng khoán	41.338.971.121	64.159.705.893	(36%)
- Doanh thu tư vấn	74.313.822.808	382.600.000	19.323%
- Doanh thu khác	-	701.635.436	(100%)
Cộng doanh thu	258.512.191.314	216.717.329.251	19%
II. TỔNG CHI PHÍ	149.525.908.156	130.713.844.027	14%
III. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	108.986.283.158	86.003.485.224	27%

Năm 2020, MBKE đưa ra kế hoạch phát triển với hơn 19% tăng trưởng doanh thu và 27% tăng trưởng lợi nhuận trước thuế so với năm 2019. Tăng trưởng thị phần môi giới và dư nợ ký quỹ dựa trên nền tảng phát triển bền vững và quản trị rủi ro tốt luôn là định hướng lâu dài của Tập đoàn và Công ty.

Để thực hiện kế hoạch đó, Khối Môi Giới vẫn tiếp tục phát huy vai trò tiên phong với cam kết đưa ra những sản phẩm và giải pháp sáng tạo không ngừng nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng; Liên tục cải tiến công nghệ để có được những phương thức giao dịch tiên tiến nhất; Nâng cao chất lượng tư vấn và phục vụ của đội ngũ môi giới, đem đến sự hài lòng tối đa cho khách hàng khi giao dịch tại MBKE.

Được sự chấp thuận của Hội đồng thành viên cùng với những nỗ lực vượt bậc của đội ngũ nhân viên, MBKE đã triển khai thành công hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh vào Quý 4 năm 2019. Với việc giới thiệu sản phẩm này đến nhà đầu tư, Công ty kỳ vọng sản phẩm sẽ đóng góp tích cực trong việc đạt được mục tiêu tăng trưởng doanh thu của năm 2020.

Bên cạnh đó, MBKE sẽ cung cấp sản phẩm chứng quyền có đảm bảo (covered warrants) vào tháng 6 năm 2020 nhằm đa dạng hóa sản phẩm và đạt được kết quả kinh doanh theo kế hoạch.

Tiếp nối những khởi sắc trong hai năm gần đây, Khối Ngân hàng đầu tư và Tư vấn doanh nghiệp sẽ có những điều chỉnh trong hoạt động, đáp ứng nhu cầu của thị trường năng động và kế thừa các thế mạnh của Tập đoàn, nhằm mục đích đóng góp vượt bậc cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chi phí hoạt động kinh doanh tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ nhưng vẫn đảm bảo các hoạt động có được nguồn kinh phí kịp thời, phục vụ hợp lý cho sự tăng trưởng. Công ty sẽ đầu tư đổi mới hệ thống cho các bộ phận nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả làm việc và cung cấp dịch vụ chất lượng cao tới khách hàng.

Đồng thời, Công ty tiếp tục nâng cấp máy móc thiết bị cũng như thiết lập thêm các phần mềm quản lý bao gồm cả các phần mềm bảo vệ an toàn mạng và hệ thống thông tin. Chính sách đào tạo và phúc lợi cho nhân viên cũng sẽ được chú trọng nhằm gia tăng sự gắn kết của nhân viên, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp theo đúng chuẩn mực và văn hóa của Tập đoàn.

Năm 2020 dự báo sẽ tiếp tục là một năm nhiều khó khăn do những hệ lụy của kinh tế thế giới trong năm 2019 vẫn chưa được khắc phục hoàn toàn, và đặc biệt khủng hoảng dịch bệnh vi-rút Corona, tuy nhiên, khó khăn cũng luôn song hành với cơ hội cho những đơn vị có sự chuẩn bị thấu đáo, kiên định và sẵn sàng chấp nhận thách thức. Cùng với sự hợp lực của Tập đoàn, Hội đồng thành viên và tập thể nhân viên Công ty, MBKE sẽ tiếp tục giữ vững và phát triển vị thế là công kết nối, đưa câu chuyện của các doanh nghiệp Việt Nam đến với đông đảo các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, công việc xúc tiến quảng bá thị trường Việt Nam cũng như tư vấn và đóng góp ý kiến cho các cơ quan quản lý trong công tác xây dựng thị trường cũng sẽ tiếp tục được đẩy mạnh, hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đẩy

nhanh tiến trình hiện thực hóa mục tiêu nâng hạng TTCK theo đúng tầm nhìn và lộ trình mà chính phủ đã đề ra.

6. Giải pháp và chương trình hành động năm 2020

Với những gì đạt được trong những năm qua, MBKE tự tin đang đi rất đúng hướng. MBKE tin tưởng vào sự hỗ trợ toàn diện và dài hạn của Tập đoàn để tiếp tục đà phát triển của mình. Công ty luôn có thể tận dụng sức mạnh của Tập đoàn bao gồm các nguồn lực tài chính, cơ sở hạ tầng và các bí quyết công nghệ mới để tự tin về chặng đường phát triển mới sắp tới với một MBKE tầm vóc hơn, nổi trội hơn và không ngừng lớn mạnh.

- Mục tiêu trước mắt của MBKE là tiếp tục duy trì vị trí tiên phong của mình thông qua việc đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ để nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng, đặc biệt là đối tượng khách hàng trẻ, đồng thời đem đến cho khách hàng những trải nghiệm đặc biệt khi đến giao dịch tại MBKE.
- MBKE sẽ khai thác triệt để thế mạnh về mạng lưới của Tập đoàn trong khu vực, đẩy mạnh mảng tư vấn và ngân hàng đầu tư như tư vấn niêm yết, giới thiệu đối tác chiến lược và một số loại hình đầu tư tài chính khác. MBKE sẽ tiếp tục nỗ lực khẳng định vị thế là “Cổng kết nối khu vực - ASEAN Gateway”, giúp mang nguồn vốn ngoại vào Việt Nam, góp phần vào sự phát triển của các doanh nghiệp trong nước nói riêng và TTCK Việt Nam nói chung.
- Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư, hoàn thiện nền tảng công nghệ, liên tục cho ra đời những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, Công ty sẽ đặc biệt chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực và tầm nhìn quốc tế. Tất cả các hoạt động của MBKE sẽ được triển khai đồng bộ theo phương châm: **“MẠNH HƠN, QUYẾT LIỆT HƠN VÀ TỐT HƠN!”**.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng thành viên (“HĐTV”)

STT	Thành viên HĐTV	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1.	Bà Che Zakiah Binti Che Din	Chủ tịch	9/9	100%
2.	Ông Ronnie Royston Fernandiz	Chủ tịch	4/4	100%
		Thành viên	9/9	100%
3.	Ông Goh Cho Kiat Jeffrey	Thành viên	13/13	100%
4.	Ông Mohamad Yasin Bin Abdullah	Thành viên	13/13	100%
5.	Ông Alexander Panasko	Thành viên	13/13	100%

Hoạt động giám sát của HĐTV đối với Tổng Giám đốc: Ngoài các cuộc họp cố định hàng quý, Ban Tổng Giám đốc cũng thường xuyên cập nhật và báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đầy đủ, kịp thời để HĐTV ra quyết định điều hành, chỉ đạo.

2. Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát: Hàng quý Ban kiểm soát đều tổ chức các cuộc họp định kỳ, thực hiện xử lý các vấn đề hiệu quả và kịp thời báo cáo cho chủ sở hữu. Thành phần tham dự luôn đầy đủ các thành viên Ban kiểm soát và các bộ phận trực tiếp liên quan được yêu cầu.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 ngày 12 năm 2019 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. (<http://maybank-kimeng.com.vn/kimengportal/financial-statements.do>).

Thành phố HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2020

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám Đốc 



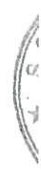
KIM THIÊN QUANG



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 46

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 4 năm 2018, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác như sau:

- ▶ Chi nhánh Chợ Lớn: Tầng 1, 86 Tân Đa, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Chi nhánh Phú Nhuận: Tầng 1, Tòa nhà Tân Hà Phan, 465 Phan Xích Long, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Chi nhánh An Giang: Tầng 3, TTTM Nguyễn Huệ, 9/9 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- ▶ Chi nhánh Đồng Nai: Tầng 3, Phòng 303, Tòa nhà NK, 208D Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; và
- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 3A-06, Tòa Nhà Horison, Số 40 Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.056.110.000.000 VND và tổng tài sản là 2.001.931.728.398 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Che Zakiah Binti Che Din	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Ông Ronnie Royston Fernandez	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 2 năm 2019
Ông Ronnie Royston Fernandez	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Ông Mohamad Yasin Bin Abdullah	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Ông Goh Cho Kiat Jeffrey	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Ông Rajiv Vijendran	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Ông Alexander Panasko	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày tái bổ nhiệm</u>
Ông Malique Firdaus Bin Ahmad Sidique	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Bà Trần Ngọc Như Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Tô Quốc Tuấn	Giám đốc Tài chính Kế toán	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 9 năm 2019
Bà Trần Thị Thu Hằng	Giám đốc Tài chính Kế toán	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2019
Ông Trần Châu Tiến	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Gia Vinh	Giám đốc Khối ngân hàng đầu tư	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2017
Bà Lê Hồng Liên	Giám đốc Khối nghiên cứu phân tích khách hàng tổ chức	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2013
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Kim Thiên Quang, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2020



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bietexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60994674/21231608

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ sở hữu**
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 2 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Phương
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1

Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2020

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.944.656.437.199	1.621.968.155.928
110	I. Tài sản tài chính		1.942.352.311.439	1.617.923.057.491
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	133.946.184.149	284.561.025.881
111.1	1.1 Tiền		73.946.184.149	134.561.025.881
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	150.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.1	2.977.010	261.000
114	3. Các khoản cho vay	6.2	1.793.576.529.568	1.322.832.818.859
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.3	(3.392.102.022)	(4.121.903.023)
117	5. Các khoản phải thu	7	16.018.114.439	12.181.194.880
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	-
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		16.018.114.439	12.181.194.880
117.4	5.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		16.018.114.439	12.181.194.880
118	6. Trả trước cho người bán	7	601.022.500	-
110	7. Phải thu oáo dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	7	1.356.418.114	2.440.310.536
122	8. Các khoản phải thu khác	7	448.280.576	144.649.753
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		(205.112.895)	(115.300.395)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	8	2.304.125.760	4.045.098.437
131	1. Tạm ứng		125.139.773	22.208.713
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.178.985.987	4.022.889.724
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		57.275.291.199	43.466.611.485
220	I. Tài sản cố định		16.208.319.809	16.790.323.512
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	13.801.823.513	13.541.884.414
222	- Nguyên giá		54.562.758.791	50.126.168.843
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.760.935.278)	(36.584.284.429)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.406.496.296	3.248.439.098
228	- Nguyên giá		25.400.661.235	24.625.902.235
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22.994.164.939)	(21.377.463.137)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.584.229.000	352.868.000
250	III. Tài sản dài hạn khác		36.482.742.390	26.323.419.973
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		3.255.088.737	3.255.088.737
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.225.736.897	2.832.592.416
253	3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	12	1.916.956	235.738.820
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	30.000.000.000	20.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.001.931.728.398	1.665.434.767.413

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		674.124.806.428	406.356.789.160
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		674.067.287.203	406.306.293.091
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		646.656.800.000	372.710.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	14	646.656.800.000	372.710.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		516.000	480.050
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.589.711.138	452.844.160
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		330.332.000	340.207.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.859.425.615	3.755.312.856
323	6. Phải trả người lao động		13.999.146.234	24.025.726.671
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		316.210.932	-
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	5.233.801.760	5.019.574.682
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		81.343.524	2.147.672
340	II. Nợ phải trả dài hạn		57.519.225	50.496.069
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18	57.519.225	50.496.069
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	1.327.806.921.970	1.259.077.978.253
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.327.806.921.970	1.259.077.978.253
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.056.110.000.000	1.056.110.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		14.952.026.685	11.515.579.503
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		14.952.026.685	11.515.579.499
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		241.792.868.600	179.936.819.251
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		241.768.818.230	179.852.534.485
417.2	4.2 Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		24.050.370	84.284.766
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.001.931.728.398	1.665.434.767.413

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ) USD SGD	20.1	183.219,68 1.799,88	117.182,27 13.867,92
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Công ty	20.2	630.000	60.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	20.3	8.684.463.610.000	9.469.134.310.000
021.1	- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		8.431.799.310.000	8.711.683.810.000
021.2	- Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		42.354.910.000	379.876.530.000
021.3	- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		111.517.200.000	326.717.200.000
021.5	- Tài sản tài chính chờ thanh toán		98.792.190.000	50.856.770.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	20.4	1.578.650.080.000	385.703.150.000
022.1	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.344.390.870.000	367.650.670.000
022.2	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		227.259.210.000	11.052.480.000
022.3	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		7.000.000.000	7.000.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	20.5	89.159.820.000	43.733.380.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

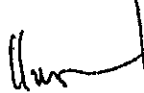
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	4. Tiền gửi của khách hàng	20.6	256.563.119.621	249.651.889.378
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		131.333.951.021	187.321.346.078
028	4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		92.957.287.150	44.387.679.321
029	4.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		32.271.881.450	17.942.863.979
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		31.978.543.476	17.611.477.727
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài		293.337.974	331.386.252
031	5. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	20.7	256.561.752.912	249.648.982.149
031.1	5.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		192.039.377.830	211.991.221.785
031.2	5.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		64.522.375.082	37.657.760.364
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	20.7	1.366.709	2.907.229

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

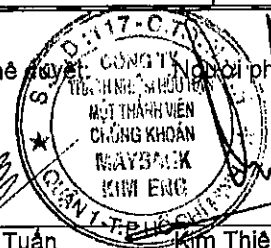


Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính
Kế toán

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2020

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21.1	4.258.418.879	11.948.609.958
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		143.102.557	1.294.028.256
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		1.720.055	165.600
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		4.113.596.267	10.654.416.102
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	21.1	172.667.254.113	144.443.983.983
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	21.2	101.097.873.302	125.420.915.289
08	4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	21.2	-	2.537.393.139
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	21.2	5.513.391.495	5.632.744.053
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	21.2	382.600.000	1.778.800.000
11	7. Thu nhập hoạt động khác	21.2	7.689.234.164	7.232.731.286
20	Cộng doanh thu hoạt động		291.608.771.953	298.995.177.708
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		1.472.404	88.994.403
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL		328.949	88.824.003
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		1.143.455	170.400
24	2. Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	22	28.404.218.833	22.717.522.634
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23	84.727.505.985	103.037.836.619
29	4. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	6.463.744.638
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		6.558.639.783	8.327.694.957
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		9.314.927.574	3.665.449.798
40	Cộng chi phí hoạt động		129.006.764.579	144.301.243.049
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		53.509.170	237.242.334
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		3.007.066.175	4.049.366.695
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	24	3.060.575.345	4.286.609.029

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		28.770.123	32.279.861
60	Cộng chi phí tài chính		28.770.123	32.279.861
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	25	80.131.098.615	77.785.989.386
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		85.502.713.981	81.162.274.441
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		502.490.909	961.919.909
72	2. Chi phí khác		1.719.666	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		500.771.243	961.919.909
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		86.003.485.224	82.124.194.350
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		85.979.434.854	82.039.909.584
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		24.050.370	84.284.766
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	26	17.274.541.507	16.608.170.896
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		17.033.696.487	16.362.808.171
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		240.845.020	245.362.725
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		68.728.943.717	65.516.023.454
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		68.728.943.717	65.516.023.454

Người lập:



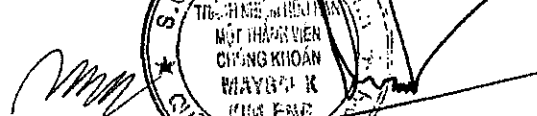
Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:

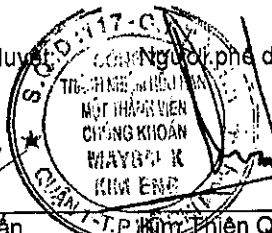


Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính
Kế toán



Người phê duyệt:

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2020

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		86.003.485.224	82.124.194.350
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		10.874.936.989	(893.552.142)
03	- Khấu hao tài sản cố định	9,10	6.270.583.748	5.376.230.037
04	- Các khoản dự phòng		(410.187.500)	(2.264.003.835)
07	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.247.673.897)	(14.484.455.901)
08	- Dự thu tiền lãi		(16.018.114.439)	(12.181.194.880)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		28.280.329.077	22.659.872.437
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		(1.143.455)	170.400
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(1.143.455)	170.400
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		1.720.055	(165.600)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		1.720.055	(165.600)
30	5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(518.768.373.397)	(16.400.765.101)
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL		(3.292.610)	520.200
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(470.973.511.710)	7.139.659.614
35	Giảm phải thu bán các tài sản tài chính		-	518.190.000
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		12.181.194.880	10.614.758.824
37	Giảm/(tăng) các khoản phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		1.083.892.422	(1.458.745.311)
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(904.653.323)	438.909.364
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(10.102.931.060)	78.695.410
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		248.304.334	(724.453.483)
42	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		1.450.759.456	(985.824.343)
43	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(15.565.198.639)	(17.955.011.303)
44	Lãi vay đã trả		(28.314.406.333)	(22.053.743.875)
45	Tăng/(giảm) phải trả người bán		2.136.866.978	(632.768.368)
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		316.210.932	-
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(364.385.089)	(979.828.001)
48	(Giảm)/tăng phải trả người lao động		(10.026.580.437)	10.348.447.081
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		69.356.802	(401.353.250)
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	249.533.537
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(597.751.197)
60	Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(421.889.374.584)	64.829.881.907

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(9.919.941.045)	(10.530.848.360)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		2.490.909	32.590.909
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.245.182.988	13.351.347.621
70	Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(2.672.267.148)	2.853.090.170
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp chủ sở hữu		-	227.000.000.000
73	Tiền vay gốc	14	5.206.691.980.000	4.392.751.421.268
73.2	Tiền vay khác		5.206.691.980.000	4.392.751.421.268
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	14	(4.932.745.180.000)	(4.457.191.519.329)
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác		(4.932.745.180.000)	(4.457.191.519.329)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		273.946.800.000	162.559.901.939
90	(GIẢM)/ TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(150.614.841.732)	230.242.874.016
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	284.561.025.881	54.318.151.865
101.1	Tiền		134.561.025.881	24.318.151.865
101.2	Các khoản tương đương tiền		150.000.000.000	30.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	133.946.184.149	284.561.025.881
103.1	Tiền		73.946.184.149	134.561.025.881
103.2	Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	150.000.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03b-CTCK

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		6.911.230.243	(213.774.098.855)
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		18.552.001.572.129	25.743.416.570.502
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(18.346.258.424.894)	(26.581.543.063.549)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		20.958.431.519.082	29.879.887.750.737
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(21.151.750.044.579)	(29.249.908.356.915)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(5.513.391.495)	(5.626.999.630)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		6.911.230.243	(213.774.098.855)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	20.6	249.651.889.378	463.425.988.233
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		249.651.889.378	463.425.988.233
32	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		187.321.346.078	202.457.063.633
33	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		44.387.679.321	221.431.350.800
34	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		17.942.863.979	39.537.573.800
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	20.6	256.563.119.621	249.651.889.378
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		256.563.119.621	249.651.889.378
42	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		131.333.951.021	187.321.346.078
43	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		92.957.287.150	44.387.679.321
44	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		32.271.881.450	17.942.863.979

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
 Kế toán viên

Người kiểm soát:



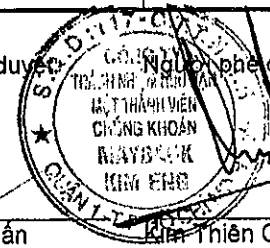
Trần Thị Ngọc Hương
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Tô Quốc Tuấn
 Giám đốc Tài chính
 Kế toán

Người phê duyệt:




Kim Thiên Quang
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2020

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
	Ngày 01/01/2018 VND	Ngày 01/01/2019 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2018 VND	Ngày 31/12/2019 VND
			Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	829.110.000.000	1.056.110.000.000	277.000.000.000	(50.000.000.000)	-	-	1.056.110.000.000	1.056.110.000.000
- Vốn pháp định	300.000.000.000	250.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
- Vốn bổ sung	529.110.000.000	806.110.000.000	277.000.000.000	-	-	-	806.110.000.000	806.110.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	8.245.955.589	11.515.579.503	3.269.623.914	-	3.436.447.182	-	11.515.579.503	14.952.026.685
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	8.245.955.589	11.515.579.499	3.269.623.910	-	3.436.447.186	-	11.515.579.499	14.952.026.685
4. Lợi nhuận chưa phân phối	120.960.043.621	179.936.819.251	65.516.023.454	(6.539.247.824)	68.728.943.717	(6.872.894.368)	179.936.819.251	241.792.868.600
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	120.959.933.341	179.852.534.485	65.431.738.688	(6.539.137.544)	68.704.893.347	(6.788.609.602)	179.852.534.485	241.768.818.230
- Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	110.280	84.284.766	84.284.766	(110.280)	24.050.370	(84.284.766)	84.284.766	24.050.370
TỔNG CỘNG	966.561.954.799	1.259.077.978.253	349.055.271.278	(56.539.247.824)	75.601.838.085	(5.852.894.368)	1.259.077.978.253	1.327.806.921.970

Người lập:

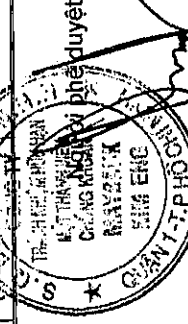
Phuu

Người kiểm soát:

luu

Người phê duyệt:

Kim Eng



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

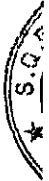
Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính Kế toán

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2020

★ HH ★



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 4 năm 2018, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 172 người (31 tháng 12 năm 2018: 177 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.056.110.000.000 VND và tổng tài sản là 2.001.931.728.398 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư số 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp

Ngày 8 tháng 8 năm 2019, Bộ tài chính ban hành thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Thông tư 48 thay thế cho thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009, và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2019.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng và đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm và đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản cho vay (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên thời gian quá hạn của các khoản cho vay theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC như đã trình bày ở *Thuyết minh 3.8* hoặc dựa trên dự phòng ước tính từ việc không chắc chắn về khả năng thu hồi của những khoản cho vay đó.

3.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích lập dự phòng giảm giá chứng khoán, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

3.6 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại. Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

3.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.10 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm tin học	5 năm

3.11 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.13 Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lợi ích của nhân viên

3.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% tổng lương cơ bản, các khoản phụ cấp và bổ sung khác liên quan đến lương hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.15.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu..

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác.

3.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối (tiếp theo)

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau :

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ còn lại do tổ chức tự quyết định.

3.21 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	56.471.065	26.236.057
- Tiền gửi cho hoạt động của Công ty	73.755.915.476	92.075.623.924
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	133.797.608	42.459.165.900
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	60.000.000.000	150.000.000.000
TỔNG CỘNG	133.946.184.149	284.561.025.881

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại với mức lãi suất là 5,00%/năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Năm nay		Năm trước	
	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)
a. Công ty				
- Cổ phiếu	2.383.645	43.821.138.622	22.277.706	418.633.313.838
b. Nhà đầu tư				
- Cổ phiếu	2.319.960.457	37.051.554.800.148	2.839.803.512	52.004.598.235.130
TỔNG CỘNG	2.322.344.102	37.095.375.938.770	2.862.081.218	52.423.231.548.968

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	2.400.410	2.977.010	265.800	261.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
1. Hoạt động cho vay ký quỹ	1.741.006.366.629	(3.392.102.022)	1.737.614.284.607	1.311.676.545.030
2. Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	52.570.142.939	-	52.570.142.939	10.926.472.828
3. Cho vay khác	-	-	-	(229.801.001)
TỔNG CỘNG	1.793.576.529.568	(3.392.102.022)	1.790.184.427.546	1.322.832.818.859

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số đầu năm	4.121.903.023	6.443.557.055
Hoàn nhập trong năm	(500.000.000)	(929.329.000)
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro trong năm	(229.801.001)	(1.392.325.032)
Số cuối năm	3.392.102.022	4.121.903.023

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán	601.022.500	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	16.018.114.439	12.181.194.880
- Dự thu lãi cho vay hoạt động ký quỹ	15.834.752.512	11.906.146.368
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	127.397.259	251.917.805
- Dự thu lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	55.964.668	23.130.707
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	1.356.418.114	2.440.310.536
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	766.642.311	671.844.514
- Phải thu phí môi giới	410.150.803	617.151.911
- Phải thu phí tư vấn và tổ chức đấu giá	179.625.000	1.151.314.111
Phải thu khác	448.280.576	144.649.753
	18.423.835.629	14.766.155.169
Dự phòng cho các khoản phải thu khác	(205.112.895)	(115.300.395)
TỔNG CỘNG	18.218.722.734	14.650.854.774

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	125.139.773	22.208.713
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.178.985.987	4.022.889.724
- Chi phí bảo trì hệ thống	1.582.669.871	2.968.586.437
- Trả trước tiền thuê văn phòng	237.620.376	237.620.376
- Chi phí vật dụng văn phòng	53.873.604	229.340.719
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	304.822.136	587.342.192
TỔNG CỘNG	2.304.125.760	4.045.098.437

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	46.120.092.776	3.052.011.905	954.064.162	50.126.168.843
Mua trong năm	4.913.821.045	-	-	4.913.821.045
Thanh lý, nhượng bán	(477.231.097)	-	-	(477.231.097)
Số cuối năm	50.556.682.724	3.052.011.905	954.064.162	54.562.758.791
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	32.659.889.779	3.052.011.905	872.382.745	36.584.284.429
Tăng trong năm	4.634.928.946	-	18.953.000	4.653.881.946
Thanh lý, nhượng bán	(477.231.097)	-	-	(477.231.097)
Số cuối năm	36.817.587.628	3.052.011.905	891.335.745	40.760.935.278
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	13.460.202.997	-	81.681.417	13.541.884.414
Số cuối năm	13.739.095.096	-	62.728.417	13.801.823.513

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 31.497.583.022 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 28.781.765.502 đồng).



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm	24.625.902.235
Mua mới trong năm	774.759.000
Số dư cuối năm	<u>25.400.661.235</u>
Hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	21.377.463.137
Tăng trong năm	1.616.701.802
Số cuối năm	<u>22.994.164.939</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>3.248.439.098</u>
Số cuối năm	<u>2.406.496.296</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 16.587.830.818 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 16.211.786.292 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Bảo trì hệ thống	2.682.915.500	1.873.999.791
Chi phí cải tạo văn phòng	542.821.197	958.592.625
TỔNG CỘNG	<u>3.225.736.697</u>	<u>2.832.592.416</u>

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	<u>1.916.956</u>	<u>235.738.820</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do sự khác nhau trong việc trích lập dự phòng giữa chính sách kế toán của công ty và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK



12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI (tiếp theo)

Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	Báo cáo tình hình tài chính		Báo cáo kết quả hoạt động	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng các khoản cho vay kỳ quỹ	1.916.956	235.738.820	(233.821.864)	(242.415.418)

13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ vào Quỹ hỗ trợ thanh toán và tiền đóng góp vào Quỹ bù trừ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với Thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và mỗi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ, với mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

Biến động tiền nộp quỹ trong năm như sau:

	Năm nay. VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	20.000.000.000	19.149.016.166
Tiền nộp bổ sung Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	850.983.834
Tiền đóng góp vào Quỹ bù trừ	10.000.000.000	-
Số dư cuối năm	30.000.000.000	20.000.000.000

14. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngắn hạn	372.710.000.000	5.206.691.980.000	(4.932.745.180.000)	646.656.800.000

Đây là các khoản vay tín chấp ngắn hạn gốc ngoại tệ tại tổ chức nước ngoài với mức lãi suất 3,55%/năm; và vay thế chấp bằng các khoản tiền gửi tại ngân hàng trong nước với mức lãi suất 6,00%/năm nhằm tài trợ cho các hoạt động hàng ngày của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh 27.1)	389.141.399	368.986.242
Các khoản phải trả khác	2.200.569.739	83.857.918
TỔNG CỘNG	2.589.711.138	452.844.160

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chi tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
1	Thuế thu nhập cá nhân	2.331.233.314	39.315.903.854	(39.392.281.050)	2.254.856.118
	- Cửa nhân viên Công ty	848.682.489	20.929.700.316	(20.985.463.197)	792.919.608
	- Cửa nhà đầu tư cá nhân	1.482.550.825	18.386.203.538	(18.406.817.853)	1.461.936.510
2	Thuế nhà thầu	410.029.569	3.467.393.682	(3.678.220.203)	199.203.048
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	798.694.117	26.322.063.841	(24.798.502.952)	2.322.255.006
	- Cửa Công ty	178.604.621	17.033.696.487	(15.565.198.639)	1.647.102.469
	- Cửa nhà đầu tư tổ chức	620.089.496	9.288.367.354	(9.233.304.313)	675.152.537
4	Thuế môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
5	Thuế giá trị gia tăng	215.355.856	1.044.343.639	(1.176.588.052)	83.111.443
	TỔNG CỘNG	3.755.312.856	70.157.705.016	(69.053.592.257)	4.859.425.615

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trích trước	1.739.958.443	1.645.522.670
Chi phí giao dịch	1.491.822.268	1.204.974.536
Lãi vay phải trả	1.040.021.382	1.074.098.638
Phí dịch vụ chuyên môn	580.129.660	662.595.062
Chi phí lưu ký	381.870.007	432.383.776
TỔNG CỘNG	5.233.801.760	5.019.574.682

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	57.519.225	50.496.069
Khấu hao tài sản cố định		

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác biệt giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Quyết định số 1173/2013 ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

Chi tiết biến động khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm như sau:

	<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>Số dư cuối năm</i> VND	<i>Số dư đầu năm</i> VND	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Khấu hao tài sản cố định	57.519.225	50.496.069	(7.023.156)	(2.947.307)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	1.056.110.000.000	11.515.579.503	11.515.579.499	179.936.819.251	1.259.077.978.253
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	68.728.943.717	68.728.943.717
- Trích quỹ trong năm	-	3.436.447.182	3.436.447.186	(6.872.894.368)	-
Số cuối năm	1.056.110.000.000	14.952.026.685	14.952.026.685	241.792.868.600	1.327.806.921.970

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

20.1 Ngoại tệ các loại của Công ty (nguyên tệ)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
USD	183.219,68	117.182,27
SGD	1.799,88	13.867,92

20.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán (VSD) của Công ty

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	630.000	60.000

20.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	8.431.799.310.000	8.711.683.810.000
- Cổ phiếu	8.431.799.310.000	8.711.683.810.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	42.354.910.000	379.876.530.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	111.517.200.000	326.717.200.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	98.792.190.000	50.856.770.000
TỔNG CỘNG	8.684.463.610.000	9.469.134.310.000

20.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.344.390.870.000	367.650.670.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	227.259.210.000	11.052.480.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	7.000.000.000	7.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.578.650.080.000	385.703.150.000

20.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Cổ phiếu	89.159.820.000	43.733.380.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

20.6 Tiền của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	131.333.951.021	187.321.346.078
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	80.707.806.439	152.745.032.214
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	50.626.144.582	34.576.313.864
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	92.957.287.150	44.387.679.321
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	79.354.394.624	41.637.619.073
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	13.602.892.526	2.750.060.248
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	32.271.881.450	17.942.863.979
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	31.978.543.476	17.611.477.727
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	293.337.974	331.386.252
TỔNG CỘNG	256.563.119.621	249.651.889.378

20.7 Phải trả nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	256.561.752.912	249.648.982.149
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	192.039.377.830	211.991.221.785
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	64.522.375.082	37.657.760.364
Phải trả cổ tức cho Nhà đầu tư	1.366.709	2.907.229
TỔNG CỘNG	256.563.119.621	249.651.889.378

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

21.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	4.258.418.879	11.948.609.958
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.113.473.967	10.654.365.602
- Cổ tức	122.300	50.500
- Các khoản khác	144.822.612	1.294.193.856
Từ các khoản cho vay và phải thu	172.667.254.113	144.443.983.983
- Tiền lãi cho vay ký quỹ	170.202.921.643	141.447.382.661
- Tiền lãi cho vay ứng trước tiền bán	2.464.332.470	2.996.601.322
TỔNG CỘNG	176.925.672.992	156.392.593.941

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

21.2 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	101.097.873.302	125.420.915.289
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.513.391.495	5.632.744.053
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	2.537.393.139
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	382.600.000	1.778.800.000
Doanh thu khác	7.689.234.164	7.232.731.286
- Từ phí nghiên cứu và các hoạt động khác	7.689.234.164	7.104.021.609
- Từ cho thuê tài sản	-	128.709.677
TỔNG CỘNG	114.683.098.961	142.602.583.767

22. CHI PHÍ LÃI VAY, LỖ TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay cho hoạt động ký quỹ	28.314.406.333	22.659.872.437
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác	89.812.500	57.650.197
TỔNG CỘNG	28.404.218.833	22.717.522.634

23. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi	40.901.300.055	50.600.707.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.751.286.994	43.300.686.860
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.306.084.751	2.146.054.094
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	625.429.687	658.212.466
Chi phí văn phòng phẩm	92.116.648	166.480.483
Chi phí công cụ, dụng cụ	51.287.850	79.695.349
TỔNG CỘNG	84.727.505.985	103.037.836.619

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.007.066.175	4.049.366.695
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	53.509.170	237.242.334
TỔNG CỘNG	3.060.575.345	4.286.609.029

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi	43.348.699.346	44.787.487.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.657.323.801	23.476.413.872
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	5.644.316.814	4.718.017.571
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	4.864.966.628	4.216.639.194
Chi phí công cụ, dụng cụ	394.903.216	434.027.629
Chi phí văn phòng phẩm	110.106.717	92.959.401
Chi phí khác	110.782.093	60.444.000
TỔNG CỘNG	80.131.098.615	77.785.989.386

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế suất thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN trong năm và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	86.003.485.224	82.124.194.350
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	17.200.697.045	16.424.838.870
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	163.151.438	262.096.729
- Thuế truy thu từ các năm trước	25.582.454	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
- Thu nhập không chịu thuế và chênh lệch tạm thời chịu thuế những năm trước	(229.603.223)	(262.354.825)
- Điều chỉnh thuế TNDN trong những năm trước	(126.131.227)	(61.772.603)
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	17.033.696.487	16.362.808.171

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại

Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại trong năm được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại (<i>Thuyết minh 18</i>)	7.023.156	2.947.307
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại (<i>Thuyết minh 12</i>)	233.821.864	242.415.418
TỔNG CỘNG	240.845.020	245.362.725

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

27.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	Năm nay VND	Năm trước VND
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay	695.844.500.000	1.621.515.000.000
		Trả gốc vay	348.000.000.000	1.848.215.000.000
		Lãi vay đã trả	988.017.775	6.605.031.510
		Trích trước lãi vay	891.834.648	-
Maybank international Labuan Branch	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay	4.210.847.480.000	2.493.974.000.000
		Trả gốc vay	4.234.745.180.000	2.372.948.000.000
		Lãi vay đã trả	17.168.275.082	10.133.301.938
		Trích trước lãi vay	108.041.203	593.206.388
Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd.	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phí hoa hồng đã trả	6.325.068.036	5.475.420.408
		Thu phí môi giới	36.852.663	1.882.026.559
		Thu phí hoa hồng	217.156.954	2.537.393.139
		Phí thông tin và bản quyền	-	3.653.635.537
		Thu phí môi giới	217.156.954	687.972.536

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.1 *Nghệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Thu lãi tiền gửi Phí ngân hàng Phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ Trích trước phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	3.142.680 9.497.430 1.856.680.000 648.706.897	18.129.909 69.545.018 -
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd.	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Thu phí nghiên cứu Trả phí nghiên cứu	7.689.234.164 2.325.447.129	7.104.021.609 1.823.210.053
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ Trích trước dịch vụ hoán đổi tiền tệ Thu lãi tiền gửi	- 5.472.262.500 -	409.237.500 3.462.400.000 155.189.041
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của Công ty chủ quản cao nhất	Phí hoa hồng môi giới	-	1.235.114.567
Ban Tổng Giám đốc		Thu nhập	17.126.139.676	8.385.108.809

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay Lãi vay phải trả	(347.844.500.000) (891.834.648)	- -
Maybank International Labuan Branch	Công ty con của công ty chủ quản cao nhất	Vay Lãi vay phải trả	(278.812.300.000) (108.041.203)	(302.710.000.000) (563.546.069)
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của công ty chủ quản cấp cao nhất	Trích trước phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	-	(409.237.500)

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Maybank Kim Eng Securities Ptc. Ltd.	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phí hoa hồng phải trả Phí thông tin và bản quyền phải trả	(389.141.399) -	(220.164.065) (148.822.177)
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của công ty chủ quản cấp cao nhất	Tiền gửi tại ngân hàng	741.537.330	11.287.158.655
Maybank Kim Eng Securities (Thailand) Public Company Ltd.	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phải trả giao dịch chứng khoán	-	(611.489.445)

27.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đến 1 năm	13.429.464.553	13.429.464.564
Từ 1 - 5 năm	11.106.745.839	23.882.025.525
	24.536.210.392	37.311.490.089

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh 6*, Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Ngày 31 tháng 12 năm 2019							
Tiền gửi	60.000.000.000	-	-	-	-	-	60.000.000.000
Các khoản cho vay	1.790.194.427.546	-	-	-	-	3.392.102.022	1.793.576.529.568
Tài sản tài chính khác	18.128.910.534	-	-	-	-	294.925.095	18.423.835.629
TỔNG CỘNG	1.868.313.338.080	-	-	-	-	3.687.027.117	1.872.000.365.197

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	2.977.010	-	-	2.977.010
Các khoản cho vay	3.392.102.022	-	1.790.184.427.546	-	-	1.793.576.529.568
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	1.356.418.114	-	-	1.356.418.114
Các khoản phải thu khác	294.925.095	-	16.772.492.420	-	-	17.067.417.515
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	73.946.184.149	60.000.000.000	-	-	133.946.184.149
TỔNG CỘNG	3.687.027.117	73.946.184.149	1.868.316.315.090	-	-	1.945.949.526.356
Nợ tài chính						
Vay và nợ tài chính ngắn hạn	-	-	646.656.800.000	-	-	646.656.800.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	516.000	-	-	516.000
Phải trả người bán	-	-	2.589.711.138	-	-	2.589.711.138
Chi phí phải trả	-	-	5.233.801.760	-	-	5.233.801.760
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	411.675.524	-	-	411.675.524
TỔNG CỘNG	-	-	654.892.504.422	-	-	654.892.504.422
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	3.687.027.117	73.946.184.149	1.213.423.810.668	-	-	1.291.057.021.934

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 2.171,18%.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH


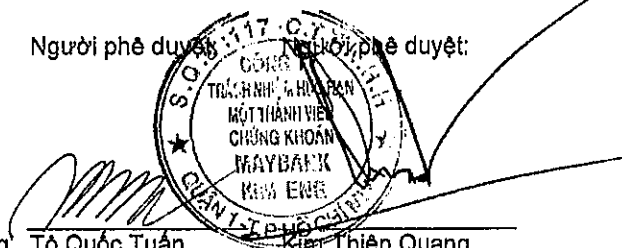
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính
Kế toán

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2020